

CÁC SẢN PHẨM DẠNG THƯ MỤC VÀ Ý NGHĨA CỦA CHÚNG

ThS Vũ Duy Hiệp

Trung tâm TT-TV Trường Đại học Vinh

Đề cập đến các sản phẩm dạng thư mục và nêu rõ ý nghĩa của chúng. Giới thiệu về chỉ dẫn trích dẫn khoa học và ứng dụng của nó trong thống kê khoa học, xuất bản, phát triển nguồn tin.

1. Mở đầu

Từ góc độ chuyên môn nghiệp vụ, sản phẩm thông tin-thư viện (TTTV) được hiểu là kết quả của quá trình xử lý thông tin để tạo nên công cụ kiểm soát nguồn tài liệu. Mỗi phương thức/cách thức xử lý thông tin khác nhau sẽ tạo ra các công cụ/sản phẩm có các chức năng, thuộc tính khác nhau, và do đó, có khả năng đáp ứng khác nhau nhu cầu của người dùng tin.

Biên mục là hình thức xử lý tài liệu có lịch sử lâu dài, có thể được coi là đã xuất hiện cùng với sự ra đời của thư viện. Cho đến nay, đây vẫn là hình thức xử lý phổ biến nhất trong thư viện. Bài viết liệt kê và mô phỏng các đặc trưng mang tính bản chất của các loại sản phẩm TTTV được tạo nên từ quá trình biên mục và ý nghĩa chính của chúng. Trong bài viết, các sản phẩm là kết quả của quá trình biên mục được gọi chung là sản phẩm dạng thư mục. Đối với những sản phẩm chưa thực sự phổ biến trong các cơ quan TTTV của Việt Nam song lại rất quen thuộc ở nước ngoài hiện nay, bài viết sẽ giới thiệu chi tiết và đầy đủ hơn, bắt đầu từ những sản phẩm giản lược nhất¹.

2. Khái lược về các sản phẩm dạng thư mục

- **Mục lục thư viện** - loại sản phẩm có lịch sử lâu đời nhất. Về nguồn gốc, biên mục được xem là hình thức xử lý lấy việc miêu tả thư mục đối với các tài liệu trong một thư viện (ban đầu là dạng in, viết trên giấy và được xem là đơn vị quản lý của thư viện) làm căn bản. Kết quả (hình thức xử lý và đối tượng xử lý với các giới hạn đó) là mục lục thư viện. Một cách đầy đủ, biên mục bao gồm hai phần chính là tạo nên các phiếu miêu tả thư mục đối với tài liệu và *sắp xếp* các phiếu đó theo một trật tự xác định. Sau này, để tăng khả năng đáp ứng nhu cầu kiểm soát tài liệu của người đọc, mục lục liên hợp - trong đó tài liệu được phản ánh là thuộc sự quản lý của một số thư viện khác nhau - ra đời. Từ giữa những năm 1980 đến nay, mục lục thư viện phổ biến là các loại CSDL khác nhau [9].

- **Thư mục**, cũng xuất hiện khá sớm, được hiểu là loại sản phẩm:

- + có chức năng quản lý/kiểm soát một tập hợp tài liệu có chung một, một số thuộc tính nào đó về hình thức /nội dung.
- + có hoặc không có chỉ số/các chỉ số

¹ Các nội dung được giới thiệu trong bài viết được chất lọc từ các tài liệu tham khảo số [3], [8], [9].

phản ánh nội dung của tài liệu (bao gồm ba loại phổ biến hiện nay là chỉ số phân loại, đề mục chủ đề và từ khóa).

+ có hoặc không có các thông tin hỗ trợ khác như tóm tắt, chú giải.

Ít nhất ở hai trong ba đặc trưng trên, có thể nhận ra sự khác biệt giữa thư mục và mục lục: đối tượng xử lý của thư mục là tài liệu nói chung (không chỉ là đối tượng quản lý của thư viện - ví dụ là bài báo hay chương sách; không chỉ thuộc sự quản lý của thư viện - ví dụ tài liệu trên mạng hay của các cá nhân/tổ chức khác nhau). Mục lục thông thường không có phần tóm tắt, chú giải để cung cấp cho người đọc thông tin khái lược nhất về nội dung giúp họ sơ bộ nhận biết sự phù hợp hay không của tài liệu với nhu cầu của mình.

Ở một khía cạnh khác, thư mục được hiểu là danh sách các tài liệu mà tác giả/các tác giả đã sử dụng để chuẩn bị cho một công trình nghiên cứu xác định².

- **Tạp chí tóm tắt.** Khoảng giữa thế kỷ XVII, tạp chí khoa học ra đời. Liên sau đó, tạp chí tóm tắt cũng ra đời. Tạp chí tóm tắt là loại sản phẩm TTTV mang những đặc tính sau:

+ đối tượng phản ánh là các bài được đăng trên các tạp chí khoa học được xác định từ trước (Ví dụ, Chemical Abstracts, do Hội Hóa học Hoa Kỳ biên soạn và xuất bản, bao quát khoảng 9.000 tên tạp chí hóa học được xuất bản bằng khoảng 60 ngôn ngữ của các nước trên thế giới).

+ hình thức phản ánh là thông tin thư mục của tài liệu kèm theo phần văn bản tóm tắt nội dung của mỗi bài báo.

+ thông thường được xuất bản định kỳ với một nhan đề ổn định (chu kỳ xuất bản của Chemical Abstracts là hằng tháng dưới nhan đề của 13 series khác nhau như Hóa hữu cơ,...).

Ở nước ta, Cục thông tin khoa học và công nghệ quốc gia (NASATI) xuất bản Tạp chí tóm tắt KH&CN Việt Nam mà đối tượng phản ánh có sự khác biệt so với các giới hạn nêu trên do bị chi phối bởi khối lượng hạn chế các nguồn tài liệu KH&CN nước ta.

- Chỉ dẫn trích dẫn khoa học (Science Citation Index)

Đây là loại sản phẩm TTTV hiện đang rất được quan tâm và rất phổ biến trên thế giới. Vì vậy, bài báo này sẽ giới thiệu một cách tương đối đầy đủ và chi tiết hơn.

Chỉ dẫn trích dẫn khoa học (SCI) là loại sản phẩm thông tin dạng thư mục. Đây là hệ thống tra cứu chỉ dẫn không chỉ đáp ứng nhu cầu thông tin thư mục về tài liệu, mà còn đáp ứng một số loại nhu cầu mang tính đặc thù khác, tiêu biểu là thống kê khoa học. Sản phẩm này cho phép xác định mối quan hệ giữa các tài liệu khoa học, cá nhân và tổ chức khoa học, cho phép đánh giá các chủ thể trên thông qua các đại lượng định tính, thông qua trắc lượng (đo lường) thư mục (bibliometrics). SCI bao gồm các loại chỉ dẫn khác nhau tạo nên một hệ thống

² <http://www.factmonster.com/homework/t8biblio.html>, <20/5/2013>

bảng tra cứu chỉ dẫn thống nhất. Trong cơ cấu thành phần của mình, ít nhất SCI gồm ba loại chỉ dẫn: Chỉ dẫn trích dẫn (Citation Index), Chỉ dẫn nguồn (Source Index) và Bảng tra chủ đề hoán vị (Permuterm Subject Index).

Chỉ dẫn trích dẫn phản ánh các tài liệu được trích dẫn. Biểu ghi ứng với mỗi tài liệu này là bản miêu tả thư mục tóm lược của mỗi tài liệu được trích dẫn có kèm theo phần liệt kê một số thông tin thư mục thiết yếu về các tài liệu đã trích dẫn đến.

Chỉ dẫn nguồn phản ánh các tài liệu trích dẫn. Biểu ghi ứng với mỗi tài liệu này là bản miêu tả thư mục đầy đủ của mỗi tài liệu trích dẫn có kèm theo phần liệt kê một số thông tin thư mục thiết yếu về các tài liệu đã được trích dẫn đến.

Bảng tra chủ đề hoán vị phản ánh danh mục các chủ đề mà toàn bộ các tài liệu trong Bảng chỉ dẫn nguồn bao quát. Tại mỗi chủ đề có các biểu ghi thư mục giản lược đối với các tài liệu trích dẫn.

3. Một số ý nghĩa quan trọng

- Đối với công tác thống kê khoa học

Để hiểu được rõ bản chất và khả năng của SCI cần hiểu khái niệm về trích dẫn (citation) và các khái niệm liên quan.

Trích dẫn là việc một tác giả sử dụng, viện dẫn kết quả nghiên cứu đã có ở tài liệu khác trong công trình của mình. Đây là một công việc rất quen thuộc, phổ biến. Danh mục tài liệu tham khảo của một công trình khoa học, chú thích cuối trang liên quan tới tài liệu hay ý kiến, quan điểm của người khác, sự viện dẫn trực tiếp quan điểm nào đó trong

thân văn bản các tài liệu,... là những hình thức trích dẫn rất phổ biến từ trước tới nay.

Việc trình bày, thể hiện đầy đủ, tường minh và chi tiết ở mức cao nhất sự trích dẫn trong mọi công trình khoa học là rất cần thiết và quan trọng, đòi hỏi mọi nhà nghiên cứu phải tuân thủ một cách nghiêm ngặt. Nếu nhà khoa học không thực hiện tốt việc này sẽ bị coi là vi phạm đạo đức nghề nghiệp, vi phạm bản quyền. Việc trích dẫn cũng hết sức đa dạng, phong phú:

- Trích dẫn trực tiếp từ tài liệu gốc - tài liệu mà thông tin được trích dẫn được xem là xuất hiện lần đầu trong đó và trích dẫn gián tiếp từ tài liệu khác/tác giả khác;

- Trích dẫn cuối bài, trích dẫn trực tiếp ở thân của tài liệu hay trích dẫn chân trang;

- Trích dẫn từ tài liệu dạng in ấn, trích dẫn từ nguồn tin trực tuyến, trích dẫn từ các nguồn tin dạng multimedia, từ các nguồn phi văn bản,...

- Trích dẫn nhiều lần đối với một hay một số tài liệu,...

Và để thể hiện được thống nhất các hình thức trích dẫn nêu trên, các doanh nghiệp xuất bản, thông tin, các cơ quan quản lý hoạt động khoa học đã ban hành, phổ biến các hệ thống quy định mang tính quy chuẩn đối với việc thể hiện trích dẫn. Một số hệ thống quy định về trình bày trích dẫn nổi tiếng và phổ biến trên thế giới là Chicago Referencing System, Havard Referencing System,

References/Bibliography Vancouver Style³,... Ở nước ta, đó là quy định do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành về trình bày trích dẫn đối với các khóa luận đại học, luận văn thạc sỹ, luận án tiến sỹ; là quy định trình bày tài liệu tham khảo mà các tạp chí khoa học yêu cầu đối với tác giả gửi bài. Trong tất cả các hệ thống chỉ dẫn tham khảo này, thông tin thư mục về nguồn được trích dẫn được thể hiện hết sức rõ ràng, đầy đủ. Chính các quy định về trình bày trích dẫn này là cơ sở không thể thay thế đối với việc thực hiện các thống kê khoa học, đánh giá khoa học.

Phân tích trích dẫn sử dụng các số liệu thống kê về các trích dẫn trong công trình khoa học để đánh giá, nhận diện các mối quan hệ giữa tài liệu/công trình đang được khảo sát với các nguồn thông tin đã có. Rất nhiều mối liên kết khác nhau có thể được xác định, như mối liên kết giữa các tác giả, mối liên kết giữa các công trình khoa học, giữa các tạp chí, giữa các lĩnh vực khoa học,... Cả hai loại liên kết trích dẫn, trích dẫn tới (tài liệu trích dẫn đến tài liệu khác - citing document) và được trích dẫn (tài liệu được tài liệu khác trích dẫn - cited document), đều được nghiên cứu, khảo sát. Phân tích trích dẫn được sử dụng để xác định vai trò, vị trí của một tác giả/tác phẩm/công trình khoa học hay một chủ thể nào đó trong hoạt động khoa học nói chung.

Liên kết cùng trích dẫn (co-citation coupling) là kiểu liên kết được xác định thông qua việc các tài liệu khác nhau cùng được tài liệu/các tài liệu khác trích dẫn tới - qua đó giữa các tài liệu này đã tồn tại sự tương tự về chủ đề nội dung. Nếu hai tài liệu khác nhau cùng được một tài liệu nào đó trích dẫn tới, thì có thể nói rằng hai tài liệu khác nhau này cùng liên quan đến một chủ đề nào đó. Nếu hai tài liệu trên càng được nhiều tài liệu khác trích dẫn đến thì mối quan hệ giữa chúng càng chặt chẽ hơn. Số lượng các tài liệu cùng trích dẫn đến chúng càng lớn thì những điểm chung nhau về nội dung của chúng lại càng nhiều.

Liên kết thư mục (bibliographic coupling) là kiểu liên kết được xác định thông qua việc, ví dụ, hai tài liệu khác nhau cùng trích dẫn đến một hay một số tài liệu nào đó. Nếu trường hợp đó xảy ra thì có thể khẳng định giữa hai tài liệu này cũng tồn tại mối quan hệ nhất định (có điểm chung nhau) về nội dung. Nếu số lượng tài liệu được hai tài liệu trên cùng trích dẫn đến càng lớn thì điểm chung nhau về nội dung giữa hai tài liệu này càng nhiều.

SCI phản ánh sự phân nhóm về nội dung các tài liệu từ quan điểm và sự thể hiện của nhà khoa học - tác giả các công trình nghiên cứu có trong Bảng chỉ dẫn nguồn.

Trong những năm gần đây, các doanh nghiệp thông tin, xuất bản lớn trên thế giới đặc biệt quan tâm đến việc ứng dụng trắc lượng thư mục trong việc tạo

³ Lăn lượt là các tài liệu: http://www.chicagomanualofstyle.org/tools_citationguide.html
Oxford Referencing System./ Người dịch: Trần Mạnh Tuấn.// Tạp chí Thông tin và Tư liệu. 2012. Số 2.
www.library.uq.edu.au/training/citation/vancouv.pdf

ra các sản phẩm thông tin đưa ra thị trường. Truy cập vào các ngân hàng dữ liệu của ScienceDirect, Ebscohost, Thomson Reuters,..., người dùng dễ dàng nhận được các kết quả dạng danh mục các công trình khoa học đã trích dẫn đến một công trình khoa học hiện có, hay danh mục các tạp chí khoa học đã được một công trình khoa học trích dẫn tới,... Khai thác các chức năng dạng *citation* (citing/cited), tài liệu có liên quan (related items)... được tổ chức sẵn trong các ngân hàng dữ liệu về khoa học và công nghệ lớn cho phép người dùng tin dễ dàng nhận được các kết quả kể trên. Cho đến nay, khả năng tương tự trong các sản phẩm thông tin, xuất bản ở nước ta vẫn chưa có. Điều đó đã làm cho nguồn thông tin khoa học của nước ta rất khó và chưa thể hòa nhập vào nguồn thông tin khoa học chung trên thế giới, tạo nên những rào cản khó vượt qua đối với người dùng tin và các tổ chức thông tin, xuất bản trong quá trình khai thác và phổ biến thông tin trong nước. Có thể thấy quá trình hòa nhập, hợp tác giữa hoạt động KH&CN của nước ta đối với thế giới bên ngoài chưa thể diễn ra một cách thực sự bình đẳng và lâu bền. Vấn đề này phải được đề cập và giải quyết trên phạm vi quốc gia, phải được xem là nhiệm vụ mà toàn bộ các thành viên của hệ thống các cơ quan thông tin, thư viện khoa học, các tổ chức xuất bản tài liệu khoa học cùng phối hợp thực hiện.

- Đối với công tác phát triển nguồn tin, phát triển các bộ sưu tập tại các thư viện khoa học

Đã từ rất lâu, khi đề cập tới việc hình thành và phát triển một thư viện, người

ta nghĩ ngay tới việc xác định thành phần kho tài liệu hạt nhân và chính sách phát triển nguồn tin mà thư viện đó cần theo đuổi. Điều này không đơn giản và khó xác định đối với các ngành, lĩnh vực khoa học đa ngành, liên ngành và mới hình thành.

Ví dụ, cần phải xây dựng một bộ sưu tập các công trình nghiên cứu và các đánh giá về **Tuyên ngôn Độc lập năm 1945 của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa** do Chủ tịch Hồ Chí Minh viết. Ở đây cần phải tiến hành những công việc nào để bộ sưu tập thực sự có giá trị thiết thực cho việc nghiên cứu và tìm hiểu về Bác nói chung và về tác phẩm cụ thể này nói riêng? Thông thường, cần thực hiện các bước sau:

- + Xác định rõ các lĩnh vực mà *Tuyên ngôn Độc lập* có giá trị: chính trị, lịch sử, văn hóa, văn học, ...

- + Liệt kê các loại hình thông tin, tài liệu liên quan mật thiết tới *Tuyên ngôn Độc lập*

- + Xác lập một danh mục các loại tài liệu xám, các công trình nghiên cứu đã xuất bản có đối tượng nghiên cứu về/liên quan tới *Tuyên ngôn Độc lập*

- + Thống kê và phân hạng các tạp chí khoa học mà các nhà khoa học đã sử dụng (các nguồn đã được trích dẫn tới) để tiến hành các nghiên cứu trên.

- + Xác định các tổ chức khoa học, cá nhân khoa học, tạp chí khoa học, các hãng thông tấn lớn trên thế giới công bố các tài liệu đã được trích dẫn.

- + Tham vấn ý kiến chuyên gia (nhà khoa học và người kinh doanh và xuất bản thông tin) nhằm lựa chọn từ các kết quả trên để có một danh sách theo yêu cầu.

Nghiên cứu - Trao đổi

Kết quả trực tiếp qua các khâu trên là một bản thư mục tổng hợp các công trình nghiên cứu, các ý kiến đánh giá của các cá nhân có uy tín trên thế giới về vai trò, vị trí, giá trị, ý nghĩa của *Tuyên ngôn Độc lập*. Trên cơ sở đó, thư viện đề xuất một kế hoạch cụ thể thu thập bổ sung các nguồn tin gốc để có bộ sưu tập hoàn chỉnh về *Tuyên ngôn Độc lập*. Có thể nói, ở tất cả các bước trên, đều cần khai thác, sử dụng hay tạo lập các sản phẩm dạng thư mục.

Kết luận

Ngày nay, các sản phẩm dạng thư mục được hình thành và phổ biến ở mọi nơi, nhất là ở khu vực các thư viện khoa học, các tổ chức tạo lập, môi giới, cung cấp, phổ biến,... thông tin khoa học. Dạng thức

tồn tại chủ yếu của các sản phẩm dạng này là các loại CSDL. Thị trường thông tin, tài liệu nói chung trên mọi phạm vi đều xem hay đều sử dụng những CSDL như là các công cụ hỗ trợ khách hàng, kích cầu đối với khách hàng, là cầu nối giữa các sản phẩm có khả năng đáp ứng nhu cầu tin ở mức tra cứu - chỉ dẫn với các sản phẩm có khả năng đáp ứng đầy đủ các loại nhu cầu tin - nhu cầu được truy cập, khai thác toàn bộ nội dung thông tin. Đồng thời các tổ chức tư vấn và đánh giá khoa học lại thường sử dụng các sản phẩm loại này, nhất là SCI làm công cụ để đưa ra các đánh giá định tính trên cơ sở các số liệu thống kê, một phương pháp mà đến nay đang rất được phổ biến và ưa chuộng: trắc lượng thư mục, trắc lượng web.

Tài liệu tham khảo

1. Billy E. Frye. Some reflections on universities, libraries and leadership. *Advances in Library Administration and Organization*, Vol 18, 2001, pp. 293-305

Budd J.M. *The Academic Library. Its Context, Its Purpose and Its Operation*.- Englewood: Libraries Unlimited, Inc, 1998. 372 p.

2. Cao Minh Kiểm. Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn phát triển công tác biên mục hiện đại theo nguyên tắc biên mục quốc tế: Đề tài nghiên cứu cấp Bộ./ Chủ nhiệm Cao Minh Kiểm.- H.: Cục Thông tin KH&CN quốc gia, 2012.

3. Cao Minh Kiểm. Trần Mạnh Tuấn, Nguyễn Hữu Viêm. Chuyên đề về trắc lượng thư mục. *TC Thông tin và Tư liệu*, 2009, số 2, tr. 1-21.

4. *Encyclopedia of Library and Information Science*. Executive Editors: A. Kent, H. Lancour, J.E. Daily. Assistant Editor: W. Z. Nasri.- In 54 Vol., Vol. 17. - New York: Marcel Dekker, Inc, 1976, pp. 37-42

5. *Handbook of Special Librarianship and Information Work*: 7th ed. Edited by A. Scammell.- London: ASLIB, 1998. 427 p.

6. Lê Xuân Định. Về công tác thống kê khoa học: Báo cáo khoa học trình bày tại Hội nghị quốc gia ngành thông tin khoa học và thống kê khoa học do Bộ khoa học và Công nghệ tổ chức tại Hà Nội, tháng 12/2011.

7. Trần Mạnh Tuấn. Sản phẩm và dịch vụ thông tin-thư viện: Giáo trình.- H.: Trung tâm Thông tin Tư liệu Khoa học và Công nghệ Quốc gia, 1998. 324 tr.

8. Trần Mạnh Tuấn. Điều kiện và khả năng ứng dụng trắc lượng thư mục. *TC Thư viện Việt Nam*, 2012, Số 2, tr. 11-16.

9. Trần Mạnh Tuấn, Nguyễn Thị Loan. Các thành tựu nghiên cứu của OCLC và việc phát triển hệ thống CSDL tại Viện Thông tin KHXH. Trong *Niên giám thông tin khoa học xã hội số 3*.- H.: Viện Thông tin KHXH, 2007, tr. 362- 385.

10. Trần Thị Hải Yến. Công tác biên mục Việt Nam. Hiện trạng và định hướng phát triển. *TC Thông tin và Tư liệu*, 2012, số 5, tr. 28-33.